

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 234/2024/HSPT  
Ngày: 05-6-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Trung.

*Các thẩm phán:* Ông Trần Vĩnh Yên.

Bà Đỗ Thị Nhung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2024/TLPT-HS ngày 12 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2024/QĐXXPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2024/HS-QĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024. Do có kháng cáo của các bị cáo **Trương Quang H**, **Trần Văn H1**, **Trần Đình P** đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2024/HS-ST ngày 27-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trương Quang H**, sinh ngày 10/10/1973, tại tỉnh Quảng Bình.

Nơi cư trú: **Ấp C, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai**.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông **Trương Quang N** (đã chết) và bà Trương Thị Ý; có vợ là **Dương Thị L**, có 03 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2001.

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/12/2023, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Văn H1**, sinh ngày 20/5/1989, tại tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: **Thôn D, xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**.

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông **Trần Văn H2** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị T**; có vợ là **Đặng Thị L1**, có 01 con sinh năm 2019.

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/12/2023, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

3. Họ và tên: **Trần Đình P**, sinh ngày 26/3/1992, tại tỉnh Quảng Bình.

Nơi cư trú: **Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.**

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông **Trần Nam Đ** và bà **Phạm Thị Đ1**; có vợ là **Trần Thị T1**, có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/12/2023, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo **Trương Quang H**: Ông **Nguyễn Triệu Q** – Luật sư của **Văn phòng L3, Đoàn luật sư tỉnh Đ.** Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số bị cáo khác nhưng không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Hành vi “Buôn bán hàng cấm” của **Trương Giang N1** cùng **Trương Thị Thanh T2** và **Trương Quang H**:

Ngày 25/11/2023, **Trương Giang N1** liên lạc với tên **T3** (không rõ lai lịch, sử dụng mạng Zalo tên “Thanh Thanh”) mua pháo hoa nổ chuyển về **huyện N, tỉnh Đồng Nai** giao cho **Trương Quang H** và **Trương Thị Thanh T2** (vợ **N1**) bán cho người khác kiếm lời. Trong khoảng thời gian từ ngày 25/11/2023 đến ngày 21/12/2023, **N1** đã mua của **T3** tổng cộng 223 hộp pháo hoa nổ với giá 670.000 đồng/hộp, giao lại cho **T2** và **H** bán, cụ thể như sau:

- Ngày 25/11/2023, Nam mua của **T3** 70 hộp pháo hoa nổ chuyển về **huyện N** cho **H**, trong đó: **N1** bán cho **H** 39 hộp pháo hoa nổ với giá 750.000 đồng/hộp và nhờ **H** chuyển 31 hộp pháo hoa nổ đến **khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai** (nhà của vợ chồng **N1 – T2**) giao cho **T2** bán. **H** cất giấu 39 hộp pháo nổ tại nhà **H** ở **ấp C, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai** để bán, còn lại giao cho **T2**.

Đến ngày 10/12/2023, **N1** liên lạc với **T3** mua 53 hộp pháo hoa nổ và thuê **H** nhận pháo, giao lại cho **T2** bán. **H** được **N1** trả công 1.000.000 đồng.

Sau khi nhận tổng cộng 84 hộp pháo hoa nổ nêu trên, **T2** đem về nhà cất giấu, sau đó bán được 69 hộp pháo hoa nổ thu lợi 8.230.000 đồng. Cụ thể như sau:

Vào các ngày 03 và ngày 18/12/2023, **T2** bán cho **Hoàng Việt C** (**C** sử dụng số điện thoại 0975627028 liên lạc với **T2** hỏi mua pháo) 02 lần, tổng cộng 13 hộp pháo hoa nổ, với giá 890.000 đồng/01 hộp. Ngoài ra, **T2** và **C** còn khai, vào ngày 03/12/2023, **T2** còn nhờ **C** giao bán cho 02 đối tượng chưa rõ lai lịch 29 hộp pháo hoa nổ, **T2** trả công **C** 250.000 đồng.

Vào các ngày 12 và ngày 16/12/2023, T2 bán cho Võ Đình G (G sử dụng điện thoại liên lạc thỏa thuận với N1. N1 kêu G đến gặp T2 nhận pháo và giao tiền cho T2) 02 lần tổng cộng 07 hộp pháo hoa nổ với giá 900.000 đồng/01 hộp.

Ngày 15/12/2023, T2 bán cho Trần Văn H1 09 hộp pháo hoa nổ, giá 850.000 đồng/01 hộp.

Ngày 16/12/2023, T2 bán cho Trần Đình P (P điện thoại cho N1 hỏi mua pháo, N1 nói P đến gặp T2 để mua) 05 hộp pháo nổ với giá 840.000 đồng/01 hộp.

Ngày 21/12/2023, T2 bán cho Đặng Quốc M (M điện thoại cho N1 hỏi mua pháo hoa nổ, N1 nói M đến gặp T2 để mua) 06 hộp pháo hoa nổ với giá 900.000 đồng/01 hộp.

N1 lấy 02 hộp pháo nổ bán cho nhưng người không rõ nhân thân với giá 900.000 đồng/hộp.

Đến ngày 20/12/2023, C1 (chưa rõ lai lịch) hỏi N1 mua 100 hộp pháo hoa nổ. N1 tiếp tục liên lạc với T3 mua và yêu cầu T3 chuyển pháo về N, đồng thời N1 nhờ H nhận pháo. T3 giấu 100 hộp pháo hoa nổ vào 02 thùng xốp dán kín chuyển đến khu vực đường C - T thuộc thành phố D, tỉnh Bình Dương. Sau đó, T3 thuê anh Trần Công K (sinh năm 1994, ngụ tại số nhà E, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương) chở 02 thùng xốp có chứa pháo hoa nổ đến N giao theo yêu cầu của N1. Anh K không biết 02 thùng xốp có chứa pháo hoa nổ nên đồng ý chuyển hàng với giá 900.000 đồng, rồi kêu anh Phạm Văn H3 (sinh năm 1999, ngụ tại xã H, huyện G, tỉnh Nam Định) điều khiển ô tô tải biển số 61C-40854 chở hàng đến N liên lạc với H để giao hàng.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 21/12/2023, tại hẻm E thuộc khu phố P, thị trấn H, huyện N, anh H3 giao 02 thùng xốp bên trong có chứa 100 hộp pháo hoa nổ cho H, thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Tang vật thu giữ khi bắt quả tang:

- 100 hộp pháo hoa nổ (ký hiệu M).
  - 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Sam sung và 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon da, biển số 60C1-17344 của Trương Quang H.
  - 01 xe ô tô tải biển số 61C-40854 của anh Trần Công K do không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu.
  - 01 điện thoại di động, màu trắng, nhãn hiệu Iphone của anh Phạm Văn H3.
- Hành vi buôn bán hàng cấm và tàng trữ hành cấm của các đồng phạm còn lại.

Sau khi mua pháo của N1 và T2 như đã nêu trên, các đối tượng đã bán lại cho người khác kiếm lời, cụ thể:

- Hoàng Việt C mua của T2 13 hộp pháo hoa nổ, bán lại cho: Nguyễn Tấn Hoàng T4 10 hộp pháo nổ lại với giá 950.000 đồng/01 hộp, thu lợi 600.000 đồng. T4 mang toàn bộ số pháo cất giấu tại nhà ở ấp G, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai để sử dụng.
- Bùi Nhật L2 03 hộp pháo hoa nổ với giá 2.850.000 đồng, thu lợi được 180.000 đồng. L2 đem 03 hộp pháo hoa nổ cất giấu tại nhà ở ấp G, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai để sử dụng.

- **Võ Đình G** mua của **T2** 7 hộp pháo hoa nổ. Đến ngày 12/12/2023, **G** đã bán **L2** (chưa rõ nhân thân) 03 hộp pháo nổ với giá 1.000.000 đồng/01 hộp, **G** thu lợi bất chính 300.000 đồng. 04 hộp pháo hoa nổ còn lại, **G** cất giấu tại phòng trọ ở **khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai** để bán nhưng chưa bán được.

- **Trần Văn H1** mua của **T2** 09 hộp pháo hoa nổ, bán lại cho:

**Phan Thanh T5** 05 hộp pháo nổ với giá 1.050.000 đồng/01 hộp. Sau khi mua, **T5** cất giấu 05 hộp pháo nổ tại nơi ở thuộc **ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai** để sử dụng

**Nguyễn Anh Đ2** 02 hộp pháo nổ với giá 1.050.000 đồng/01 hộp. Do **H1, T5** và **Đ2** làm chung công ty và quen biết nhau nên **T5** nhờ **Đ2** chuyển khoản cho **H1** 5.250.000 đồng để trả tiền mua pháo hoa nổ. Đào biết việc **T5** mua pháo hoa nổ nhưng vẫn đồng ý giúp **T5** chuyển trả tiền pháo cho **H1**. Sau khi mua của **H1, Đ2** đã cất giấu 02 hộp pháo nổ tại nơi ở thuộc **ấp C, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai** để sử dụng

**Lê Hữu P1** 01 hộp pháo hoa nổ với giá 1.050.000 đồng. **P1** cất giấu pháo tại nơi ở thuộc **ấp C, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai** để sử dụng.

**Nguyễn Đình Đ3** 01 hộp pháo hoa nổ với giá 1.050.000 đồng. **Đ3** cất giấu pháo tại nơi ở thuộc **ấp C, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai** để sử dụng.

- **Trần Đình P** mua của **T2** 05 hộp pháo nổ. **P** đốt 01 hộp còn 04 hộp pháo hoa nổ **P** cất giấu tại nhà ở **ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai** để sử dụng.

- **Đặng Quốc M** mua của **T2** 06 hộp pháo hoa nổ, đem về nhà tại **ấp G, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai** cất giấu để sử dụng.

Sau khi **H** bị bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã mở rộng điều tra và tiến hành bắt khẩn cấp đối với **Trương Giang N1, Trương Thị Thanh T2, Hoàng Việt C, Võ Đình G, Trần Văn H1, Trần Đình P, Đặng Quốc M, Phan Thanh T5, Nguyễn Anh Đ2, Nguyễn Tấn Hoàng T4**.

Khám xét nơi ở của các đối tượng, thu giữ:

- 39 hộp pháo hoa nổ tại chỗ ở của **Trương Quang H** ở **ấp C, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai** (được niêm phong - ký hiệu M1).

- 13 hộp pháo nổ tại chỗ ở của **Trương Giang N1** và **Trương Thị Thanh T2** ở **khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai** (được niêm phong - ký hiệu M2).

- 04 hộp pháo hoa nổ tại chỗ ở của **Võ Đình G** ở **khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai** (được niêm phong - ký hiệu M3).

- 04 hộp pháo hoa nổ tại chỗ ở của **Trần Đình P** ở **ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai** (được niêm phong - ký hiệu M4).

- 06 hộp pháo hoa nổ tại chỗ ở của **Đặng Quốc M** ở **ấp G, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai** (ký hiệu niêm phong M5).

- 05 hộp pháo hoa nổ tại chỗ ở của **Phan Thanh T5** ở **ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai** (được niêm phong - ký hiệu M6).

- 10 hộp pháo hoa nổ tại chỗ ở của **Nguyễn Tấn Hoàng T4** ở **ấp G, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai** (được niêm phong - ký hiệu M7).

- 02 hộp pháo tại chỗ ở của **Nguyễn Anh Đ2** ở **ấp C, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai** (được niêm phong - ký hiệu M8).

- 01 hộp pháo tại chỗ ở của **Lê Hữu P1** ở **ấp C, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai** (được niêm phong - ký hiệu M9).
- 01 hộp pháo tại chỗ ở của **Nguyễn Đình Đ3** ở **ấp C, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai** (được niêm phong - ký hiệu M10).
- 03 hộp pháo tại chỗ ở của **Bùi Nhật L2** ở **ấp G, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai**.

Ngoài ra còn thu giữ phương tiện liên lạc vào việc phạm tội gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh; 01 điện thoại di động Iphone 11, màu xanh ngọc; 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1906, màu xanh đen của **Trương Giang N1**; 01 điện thoại di động, màu đỏ, nhãn hiệu Oppo của **Võ Đình G**; 01 điện thoại di động màu tím, nhãn hiệu Vivo; 01 xe mô tô biển số 60B1-12587 của **Hoàng Việt C**; 01 điện thoại di động, màu xanh, nhãn hiệu Iphone của **Trần Đình P**; 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu Iphone của **Nguyễn Tấn Hoàng T4**. Đồng thời thu giữ: 01 xe ô tô biển số 60A-46185, nhãn hiệu Chevrolet, màu đỏ của **Trương Giang N1**

Tại Bản kết luận giám định số: 333/KL-KTHS ngày 26/12/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại TP Hồ Chí Minh (C09) - **Bộ C2** kết luận:

Đối với các mẫu vật (Ký hiệu M, M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10) gửi giám định đều là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu.

Khối lượng mẫu M là 156,5 kg. Khối lượng mẫu M1 là 65,5 kg. Khối lượng mẫu M2 là 22,3 kg. Khối lượng mẫu M3 là 6,5 kg. Khối lượng mẫu M4 là 6,5 kg. Khối lượng mẫu M5 là 10,2 kg. Khối lượng mẫu M6 là 8,5 kg. Khối lượng mẫu M7 là 17,4 kg. Khối lượng mẫu M8 là 3,4 kg. Khối lượng mẫu M9 là 1,6 kg. Khối lượng mẫu M10 là 1,6 kg.

Tại bản kết luận giám định số: 339/KL-KTHS ngày 26/12/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại TP Hồ Chí Minh (C09) - **Bộ C2** kết luận: Đối với mẫu vật gửi giám định là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Khối lượng là 5,2 kg.

**\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2024/HS-ST ngày 27-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã Quyết định:**

Căn cứ Điều 326, 327, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố các bị cáo **Trương Giang N1**, **Trương Quang H**, **Trương Thị Thanh T2**, **Võ Đình G**, **Trần Văn H1** và **Hoàng Việt C** phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; các bị cáo **Trần Đình P**, **Đặng Quốc M**, **Nguyễn Tấn Hoàng T4**, **Phan Thanh T5** và **Nguyễn Anh Đ2** phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”;

Áp dụng điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 190; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

Bị cáo **Trương Giang N1** 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2023, phạt bổ sung 50.000.000 đồng (năm mươi triệu).

Bị cáo **Trương Quang H** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2023, phạt bổ sung 30.000.000 đồng (ba mươi triệu).

Áp dụng điểm g khoản 2, khoản 4 Điều 190; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

Bị cáo **Trương Thị Thanh T2** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2023, phạt bổ sung 30.000.000 đồng (ba mươi triệu).

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 190; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

Bị cáo **Hoàng Việt C** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2023, phạt bổ sung 20.000.000 đồng (hai mươi triệu).

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 190; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

Bị cáo **Trần Văn H1** 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2023, phạt bổ sung 20.000.000 đồng (hai mươi triệu).

Bị cáo **Võ Đình G** 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2023, phạt bổ sung 20.000.000 đồng (hai mươi triệu).

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Tấn Hoàng T4** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2023.

Bị cáo **Đặng Quốc M** 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2023.

Bị cáo **Trần Đình P** 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2023.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Phan Thanh T5** 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo **Nguyễn Anh Đ2** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo **Phan Thanh T5** và **Nguyễn Anh Đ2** nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo **Phan Thanh T5** cho **UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Nguyễn Anh Đ2** cho **UBND xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/01/2024, bị cáo **Trần Văn H1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30/01/2024, bị cáo **Trương Quang H** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/02/2024, bị cáo **Trần Đình P** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

**\* Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo **Trương Quang H** là Luật sư Nguyễn Triệu Q:**

Tôi đồng ý với tội danh mà Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử đối với bị cáo **Trương Quang H**. Bị cáo **H** là người có học vấn thấp, bản thân không có tiền án tiền sự. Bị cáo là người có vai trò giúp sức, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có mẹ đã già yếu. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã cung cấp thêm 02 tình tiết giảm nhẹ. Thứ nhất, cha của bị cáo **H** là ông **Trương N** là người có công với cách mạng. Thứ hai, gia đình bị cáo đã nộp lại 19.250.000 đồng và nộp khoản tiền phạt bổ sung 30.000.000 đồng theo bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:**

Qua các tình tiết có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên toà, có căn cứ xác định các bị cáo **Trương Quang H**, **Trần Văn H1** phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; bị cáo **Trần Đình P** phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”. Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử và tuyên phạt bị cáo **H** 8 năm tù, bị cáo **H1** 01 năm 8 tháng tù, bị cáo **P** 7 tháng tù là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Tuy nhiên, tại phiên toà, các bị cáo cung cấp thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, những tình tiết này chưa có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:***

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo **Trương Quang H**, **Trần Văn H1**, **Trần Đình P** kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo, người làm chứng, cũng như các tài liệu được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận:

Do gần đến tết nguyên đán là thời điểm có nhiều người có nhu cầu mua pháo hoa nổ để sử dụng nên bị cáo **Trương Giang N1** nảy sinh ý định tìm nguồn mua pháo hoa nổ bán kiếm lời. Bị cáo **N1** mới liên lạc với bạn xã hội sử dụng Zalo tên “Thanh Thanh” không rõ nhân thân lai lịch để hỏi mua pháo hoa nổ. Ngày 25/11/2023, **N1** mua của **T3** 70 hộp pháo hoa nổ, loại 49 ống, giá 670.000 đồng 1 hộp, sau đó bán

cho **Trương Quang H** 39 hộp pháo hoa nổ với giá 750.000 đồng/hộp, tổng số tiền là 29.250.000 đồng, để **H** bán lại kiếm lời. **H** đã trả 10.000.000 đồng còn nợ lại 19.250.000 đồng.

Ngày 10/12/2023, **N1** mua của **T3** 53 hộp pháo hoa nổ, loại 49 ống, giá 670.000 đồng/hộp và thuê **H** nhận pháo dùm, rồi giao về nhà của **N1** tại **khu phố P, thị trấn H**, **N1** sẽ trả công cho **H** 1.000.000 đồng (chưa trả tiền).

Ngày 15/12/2023, **T2** (vợ của **N1**) bán cho **Trần Văn H1** 09 hộp pháo hoa nổ, giá 850.000 đồng/hộp. Sau đó, **H1** bán cho **Phan Thanh T5** 05 hộp pháo nổ với giá 1.050.000 đồng/01 hộp; **Nguyễn Anh Đ2** 02 hộp pháo hoa nổ với giá 1.050.000 đồng/01 hộp; **Lê Hữu P1** 01 hộp pháo hoa nổ với giá 1.050.000 đồng; **Nguyễn Đình Đ3** 01 hộp pháo hoa nổ với giá 1.050.000 đồng.

Ngày 16/12/2023, **T2** bán cho **Trần Đình P** (**P** điện thoại cho **N1** hỏi mua pháo, **N1** nói **P** đến gặp **T2** để mua) 05 hộp pháo nổ với giá 840.000 đồng/01 hộp.

Tại Bản kết luận giám định số: 333/KL-KTHS; 339/KL-KTHS ngày 26/12/2023, Phân viện khoa học hình sự tại Tp Hồ Chí Minh (C09) - **Bộ C2** đã kết luận các mẫu vật là pháo hoa thu giữ tại nhà của các bị cáo đều là pháo nổ (pháo hoa nổ), khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Ngoài ra, kết luận còn xác định khối lượng pháo hoa nổ thu giữ của từng bị cáo.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận pháo hoa nổ do các bị cáo buôn bán, tàng trữ là hàng cấm. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm (pháo nổ), làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Các bị cáo biết việc mua bán, tàng trữ pháo hoa nổ là hàng cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện, cho thấy các bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật.

Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã đưa vụ án ra xét xử và tuyên bố bị cáo **Trương Quang H** phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự; bị cáo **Trần Văn H1** phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự và bị cáo **Trần Đình P** phạm tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, nhận thấy:

Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên toà, gia đình bị cáo **Trương Quang H** cung cấp cho Toà án đơn xác nhận của **UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình** về việc cha của bị cáo tên **Trương Quang N** và tên **Trương N** là một người. Theo đó, ông **Trương N** là cha của bị cáo **H** được tặng Kỷ niệm chương Chiến sĩ **T đường H** và được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, là người có công với cách mạng; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mẹ của bị cáo thuộc hộ cận nghèo; bà **Dương Thị L** là vợ của bị cáo **H** tự nguyện nộp thay bị cáo số tiền 19.250.000 đồng và nộp khoản tiền phạt bổ sung 30.000.000 đồng theo bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch. Gia đình bị cáo **Trần Văn H1** có hoàn cảnh khó khăn, có cha là ông **Trần Văn H2** được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng 3. Bị cáo **Trần Đình P** cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện

bị cáo là công dân đã hoàn thành xong nghĩa vụ quân sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét: Việc **Trương Giang N1**, **Trương Quang H**, **Trương Thị Thanh T2** mua pháo nổ về bán cho người khác kiếm lời là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò, nhiệm vụ trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án, **Trương Giang N1** là người có vai trò chủ mưu, trực tiếp liên lạc mua pháo hoa nổ, còn **Trương Quang H** là người giúp sức. Sau khi mua pháo hoa nổ, bị cáo **N1** đã bán cho **Trương Quang H**, **Trần Văn H1**. Sau khi mua pháo hoa nổ của **N1**, bị cáo **H**, **H1** bán cho người khác để thu lợi bất chính. Vì vậy, bị cáo **Trương Quang H** tham gia với vai trò đồng phạm với **Trương Giang N1** và phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự. Bị cáo **Trần Văn H1** mua lại của bị cáo **Trương Giang N1** để bán cho những người khác thu lợi bất chính nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự. Còn bị cáo **Trần Đình P** mua 05 hộp pháo hoa về để sử dụng, bị cáo đốt 01 hộp, còn lại 04 hộp cất trong nhà thì bị phát hiện nên bị cáo **P** phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ hàng cấm theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Sau khi phân hoá vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cấp sơ thẩm xét xử và tuyên phạt bị cáo **Trương Quang H** 08 năm tù, phạt bị cáo **Trần Văn H1** 01 năm 08 tháng tù và phạt bổ sung; xử phạt bị cáo **Trần Đình P** 07 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên toà, các bị cáo đã cung cấp thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, xem xét giảm một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo **Trần Đình P** cũng đã bị tạm giam một thời gian dài, bị cáo đã nhận ra được sai lầm và rất ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo hình phạt tù bằng với thời gian bị cáo bị tạm giam cũng có tác dụng răn đe, giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội trở về với xã hội là phù hợp. Trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[3] Về án phí HSPT: Do chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm của những người bào chữa cho bị cáo **H** tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên toà có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1/ Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo trương Q, Trần Văn H1, Trần Đình P. Sửa một phần bản án hình sự số 28/2024/HS-ST ngày 27-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do khách quan.

2/ Tuyên bố các bị cáo Trương Quang H, Trần Văn H1 phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; bị cáo Trần Đình P phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”;

Áp dụng điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 190; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

Bị cáo Trương Quang H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2023, phạt bổ sung 30.000.000 đồng (ba mươi triệu).

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 190; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

Bị cáo Trần Văn H1 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2023, phạt bổ sung 20.000.000 đồng (hai mươi triệu).

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

Bị cáo Trần Đình P 05 (năm) tháng 15 (mười lăm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2023.

Áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo Trần Đình P ngay tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 49.250.000 đồng (bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) do bị cáo Trương Quang H nộp (Dương Thị L nộp thay) theo Biên lai thu số 0000497 ngày 04/6/2024 của cơ quan Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai để đảm bảo thi hành án.

3/ Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trương Quang H, Trần Văn H1, Trần Đình P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Toà án ND huyện Nhơn Trạch;
- Viện kiểm sát huyện Nhơn Trạch;
- CQCSĐT CA huyện Nhơn Trạch;
- Phòng hồ sơ – CA tỉnh Đồng Nai;
- CQTHAHS CA huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- Các bị cáo;
- Sở TP tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đình Trung**

***Nơi nhận:;***

- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh ĐN
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**CÁC THẨM PHÁN**  
**THẨM PHÁN**  
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

